

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ HÀNG THÁNG ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN Y TẾ THÔN VÀ CÔ ĐỒ THÔN BẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2025		Dự toán đầu năm 2026			Nhu cầu kinh phí theo dự thảo Nghị quyết			Chênh lệch nhu cầu kinh phí tăng giữa dự thảo Nghị quyết và dự toán năm 2026		Nguyên nhân tăng nhu cầu kinh phí						Dự kiến nhu cầu kinh phí 03 tháng cuối năm 2026		
		Số lượng (người)	Số tiền (12 tháng, mức lương cơ sở 2,34 trđ)	Số lượng (người)	Mức hưởng	Số tiền (12 tháng, mức lương cơ sở 2,34 trđ)	Số lượng (người)	Mức hưởng	Số tiền (12 tháng, mức lương cơ sở 2,53 trđ)	Số lượng (người)	Số tiền (12 tháng, mức lương cơ sở 2,53 trđ)	Tăng do tăng số lượng và mức hưởng			Tăng do tăng mức lương cơ sở			Nhu cầu kinh phí tăng thêm 03 tháng cuối năm 2026	Kinh phí 03 tháng đầu năm đã được cấp dự toán	Dự kiến nhu cầu kinh phí cần cấp bổ sung năm 2026
												Số lượng (người)	Mức hưởng	Số tiền (12 tháng, mức lương cơ sở 2,34 trđ)	Số lượng (người)	Mức hưởng	Số tiền (12 tháng, mức lương cơ sở 0,19 trđ)			
A	B	1	2	3	4	5=3*4*2,34 *12 tháng	6	7	8=6*7*2,53 *12 tháng	9=6-3	10=8-5	11	12	13=11*12* 2,34*12 tháng	14	15	16=14*15* 0,19*12 tháng	17=8/12 *3 tháng	18=5/12* 3 tháng	19=17-18
Tổng cộng		2.301	20.288,153	2.177		20.901,440	2.214		46.948,704	37	26.048,760	1.758		22.522,968	2.214		3.525,792	11.737,176	5.225,360	6.511,816
I	Y tế thôn	2.177	20.074,953	2.177		20.901,440	1.860		39.431,568	(317)	18.531,624	1.404		15.570,360	1.860		2.961,264	9.857,892	5.225,360	4.632,532
1	Mức hưởng 0,7						1.844	0,7	39.188,688	1.844	39.188,688	1.844	0,7	36.245,664	1.844	0,7	2.943,024			
2	Mức hưởng 0,5			456	0,5	6.402,240	16	0,5	242,880	(440)	(6.159,360)	(440)	0,5	(6.177,600)	16	0,5	18,240			
2	Mức hưởng 0,3			1.721	0,3	14.497,704				(1.721)	(14.497,704)	(1.721)	0,3	(14.497,704)						
II	Cô đỡ thôn, bản	124	213,200	-		-	354		7.517,136	354	7.517,136	354		6.952,608	354		564,528	1.879,284	-	1.879,284
1	Mức hưởng 0,7						353	0,7	7.501,956	353	7.501,956	353	0,7	6.938,568	353	0,7	563,388			
2	Mức hưởng 0,5						1	0,5	15,180	1	15,180	1	0,5	14,040	1	0,5	1,140			